

CƠ SỞ TÂM LÝ HỌC CỦA SỰ PHÁT TRIỂN GIỚI

Trần Thị My Lương

Khoa Tâm lý – Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt. Sự phát triển giới là vấn đề phức tạp, nhạy cảm và còn ít được nghiên cứu ở Việt Nam. Tuy nhiên, sức ảnh hưởng của sự phát triển giới đến đời sống của cá nhân lại vô cùng lớn. Xuất phát từ thực trạng trào lưu xã hội về nhu cầu được bình đẳng, tôn trọng của người đồng tính, song tính; từ những kiến nghị của một số cơ quan, tổ chức Nhà nước với Quốc hội về điều chỉnh luật cho người đồng tính (như: luật kết hôn, phẫu thuật chuyển giới v.v.) nên việc nghiên cứu, nhìn nhận khoa học về sự phát triển giới trong xã hội hiện nay là bức thiết, trong đó có cơ sở tâm lý học mà nội dung bài báo đề cập. Về cơ bản, sự phát triển giới bao gồm các giai đoạn: định dạng giới tính, nhận dạng vai trò giới và định hướng tình dục. Sự phát triển này chịu chi phối bởi hai nhóm yếu tố chính: sinh học và tâm lý xã hội.

Từ khóa: Phát triển giới, định dạng giới tính, vai trò giới, nhận dạng vai trò giới, định hướng tình dục...

1. Mở đầu

Vấn đề giới là một vấn đề thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu trên thế giới và Việt Nam bởi sức ảnh hưởng của nó đến đời sống của con người là rất lớn. Đã có nhiều nhà nghiên cứu trên thế giới [2-7] đề cập đến vấn đề này, như: A. Bandura và W. Mischel, D. Brown, J. Stockart, S. Thompson, M. Jonson, L. Langlois, A. Downs, V.E. Kagan, I.V. Berno-Belenkur... Tuy nhiên, ở Việt Nam, sự phát triển giới là một vấn đề phức tạp, nhạy cảm và còn ít được nghiên cứu. Các nghiên cứu đề cập tới vấn đề này còn rời rạc, chưa tương xứng với tầm quan trọng của vấn đề và chưa có mô hình nghiên cứu lý luận sâu về tâm lý học.

Bàn về sự phát triển giới tồn tại nhiều các cách nhìn nhận và quan điểm khác nhau. Chẳng hạn, theo TS. Nguyễn Văn Đồng [1], sự phát triển giới trải qua các giai đoạn: sự phát triển của mẫu giới và nhập vai giới (cụ thể: nhận dạng giới, phân biệt giới, ứng xử giới). Tuy nhiên, trong nghiên cứu này, chúng tôi chia sự phát triển giới thành các giai đoạn sau: định dạng giới tính, nhận dạng vai trò giới và định hướng tình dục.

2. Nội dung nghiên cứu

Để tìm hiểu sự phát triển giới, trước tiên chúng ta cần chú ý một số thuật ngữ sau: Tính dục (sex) và giới tính (gender) đều được sử dụng để nói về nam hay nữ theo sinh học; gender identity – định dạng giới tính: sự ý thức của trẻ về giới tính của mình; gender role – vai trò giới; sexuality –

Ngày nhận bài: 15/1/2015 Ngày nhận đăng: 01/5/2015

Liên hệ: Trần Thị My Lương, e-mail: tranmyluonghnue@gmail.com

tính dục: liên quan đến cảm xúc tính dục và hành vi tính dục; sexual orientation – định hướng tình dục: việc chọn lựa người bạn tình, có thể là cùng giới (đồng tính) hay khác giới.

2.1. Định dạng giới tính (Gender Identity)

2.1.1. Hiểu về định dạng giới tính

Vấn đề giới là một vấn đề thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu trên thế giới và Việt Nam bởi sức ảnh hưởng của nó đến đời sống của con người là rất lớn.

Khi nói về giới cần có sự phân biệt rất rõ ràng giữa giới và giới tính. Giới tính do sự khác biệt về mặt sinh học tạo nên. Giới do xã hội tạo nên, do xã hội quyết định chứ không phải do sự khác biệt về mặt sinh học giữa nam và nữ. Vì thế nội dung của khái niệm giới có thể thay đổi theo từng thời đại, từng nền văn hóa. Về cơ bản có thể hiểu giới là một phạm trù chỉ vai trò, trách nhiệm, hành vi, cách sống, mối quan hệ của nam và nữ trong xã hội.

Ở mức độ nhận thức ban đầu, định dạng giới tính được hiểu như là những ghi nhận của trẻ rằng trẻ thuộc thành viên của một giới. Stoller (1964) đã dùng thuật ngữ “định dạng giới tính cốt lõi” (Core gender identity) nhằm nói đến sự phát triển một cảm nhận cơ bản về việc thuộc về một giới, tức là ý thức mà trẻ đó là một người nam hay nữ. Ở mức độ tình cảm, cảm nhận thuộc về một giới bộc lộ giá trị về cảm xúc, vì trẻ trải nghiệm một cảm nhận thoải mái hay an toàn từ việc mình là trai hay gái.

S. Thompson (1975) chia sự định hình giới của trẻ thành 3 giai đoạn: trẻ biết rằng có tồn tại hai giới (nam và nữ) – nhận dạng giới; trẻ xác định mình thuộc về một trong hai giới này – đồng nhất giới và dựa vào sự xác định đó trẻ thực hiện những hành vi tương xứng.

Một số nhà nghiên cứu khác thì lại chia ra bốn giai đoạn định dạng giới tính: trẻ xác định mình thuộc về một giới nam hay nữ; trẻ hiểu rằng giới tính là vĩnh viễn và không thể thay đổi; trẻ muốn trở thành bé trai hoặc bé gái tốt nhất; trẻ bắt đầu kiểm soát hành vi của mình, để thích hợp với giới mà trẻ xác định.

Đến khoảng 2 - 3 tuổi, phần lớn những bé trai thử đi giày nữ, chơi với đồ mỹ phẩm vô tình có được, sơn móng tay, móng chân. Nhưng khi đã kết thúc giai đoạn nhận dạng giới tính, trẻ hiểu được rằng những hành vi đó chỉ dành cho con gái. Giai đoạn trước tuổi học, ở trẻ hình thành những hiểu biết về sự khác biệt giới ở đồ chơi, quần áo, hành động (L. Serbin et al., 1993). Theo tổng kết ý kiến của rất nhiều nhà nghiên cứu (Connor, Serbin, 1977; Liss, 1981; M.O'Brien, 1992; S. Berenbaun, M.Hines, 1992): các bé trai chọn đồ chơi của mình là ô tô, đồ chơi vũ khí, dụng cụ lao động; còn các bé gái thì chọn búp bê, quần áo cho búp bê, những đồ chơi liên quan đến dụng cụ nội trợ [2].

Nhưng cùng với sự trưởng thành, sự nhận dạng giới tính đầu tiên của trẻ có thể thay đổi. Việc tự định hình mang tính tâm lý về giới bắt đầu từ năm hai tuổi và được khẳng định ở tuổi thứ ba. Ở giới hạn tuổi này 75% trẻ biết mình là trai hay gái. Trẻ có thể phân biệt các bé trai hoặc bé gái khác, nhưng ở ba tuổi trẻ chỉ phân biệt được những dấu hiệu bề ngoài, như quần áo, kiểu tóc. Trẻ cho rằng giới tính có thể thay đổi [3].

Các nghiên cứu đã chứng minh rằng: ở các bé trai hình thành ý thức về vai trò giới sớm hơn ở các bé gái. Theo kết quả nghiên cứu của D. Brown (1975), trong giai đoạn từ 5 đến 11 tuổi quan niệm về vai trò giới của các bé trai luôn rõ ràng, dứt khoát hơn so với các bé gái.

Như vậy, hiểu biết giới tính đầy đủ được phát triển dần trong 3 bước sau: Gọi tên giới tính: khi 2 hoặc 3 tuổi, trẻ con hiểu mình là con trai hay con gái và tự gọi tên phù hợp. Sự ổn định giới

tính: trong những năm trước tuổi đến trường, trẻ bắt đầu hiểu rằng giới tính mang tính ổn định: con trai trở thành đàn ông và con gái trở thành đàn bà. Tính không đổi giới tính: từ 4 đến 7 tuổi hầu hết trẻ hiểu rằng nam tính và nữ tính không thay đổi trong các tình huống hoặc theo ý muốn cá nhân.

2.1.2. Rối loạn định dạng giới tính (Gender Identity Disorder)

Thông thường, chẩn đoán rối loạn định dạng giới được thực hiện khi đối tượng cảm nhận thấy chính mình bị mắc kẹt trong hình thể giới tính hiện có và trải nghiệm những cảm nhận khó chịu. Rối loạn này không chỉ liên quan đến sự không thoải mái với vai trò xã hội của giới tính mình, mà hơn nữa những người này luôn khó chịu với giới tính sinh học của mình và thường xuyên muốn thay đổi nó.

V.E. Kagan (2000, Russia) khẳng định: căn cứ vào những dấu hiệu sau đây có thể nhận biết về sự lệch chuẩn trong định dạng giới tính của thiếu niên: lựa chọn đồ chơi, đảm nhiệm những vai của giới khác trong các trò chơi; mong muốn sau này lớn lên có thể trở thành đàn ông (đối với các bé gái) và trở thành đàn bà (với các bé trai); bắt chước những hành vi của người khác giới; mong muốn đổi giới tính và tên gọi; trong giấc mơ, trẻ thấy mình ở vai trò giới khác, thích ăn mặc và cư xử như một người khác giới [2].

Rối loạn định dạng giới có biểu hiện rõ ngay cả ở trẻ nhỏ. Rối loạn định dạng giới tính bắt đầu biểu hiện ở khoảng từ 2 – 4 tuổi. Trẻ nam thường với biểu hiện rối loạn định dạng giới tính có số lượng vượt trội hơn trẻ nữ. Phần lớn trẻ có rối loạn định dạng giới tính không biểu hiện triệu chứng nữa khi ở tuổi vị thành niên. Người ta không rõ có phải do cảm nhận của trẻ giảm đi hay do trẻ học được cách để định hướng lại hoặc phớt lờ những cảm nhận này, bởi do những hậu quả xã hội đối với trẻ. Vào giai đoạn sau của tuổi vị thành niên, theo thống kê của các nhà nghiên cứu 75% trẻ nam có rối loạn định dạng giới sẽ phát triển định hướng đồng tính luyến ái hay lưỡng tính.

Trong một nghiên cứu của mình vào năm 1998 I.V. Berno-Belenkur (Russia) và một số nhà nghiên cứu khác đã chứng minh rằng: sự lệch chuẩn trong định hướng giới tính có thể bắt nguồn từ những nguyên nhân sau: Sử dụng chất kích thích như rượu, ma túy...; mặc cảm về bản thân (hình thể, sức khỏe...); hoàn cảnh gia đình (bị ảnh hưởng tiêu cực từ quan hệ cha-mẹ, anh em...); sự thất bại trong đời sống riêng tư (tình yêu, quan hệ giới tính đầu tiên...); bị lợi dụng tình dục khi còn nhỏ; không thích ứng được với xã hội; bị ảnh hưởng của môi trường hoạt động...[2].

2.1.3. Cơ chế của rối loạn định dạng giới tính (Etiology & Pathogenesis)

Có nhiều giả thuyết được đặt ra khi nghiên cứu về rối loạn định dạng giới tính, nhưng không có giả thuyết nào có thể giải thích được tất cả. Dưới đây chúng tôi sẽ đề cập đến cơ chế sinh học và cơ chế tâm lý xã hội trong việc giải thích những rối loạn định dạng giới tính [9].

Theo các cơ chế sinh học: Trẻ có rối loạn định dạng giới không biểu hiện những dấu hiệu khác biệt rõ ràng về mặt cơ thể, điều này có thể loại trừ các bất thường về nội tiết tố trước sinh. Vì thế, các nghiên cứu về những ảnh hưởng của sinh học đến sự phát triển rối loạn định dạng giới tập trung vào các yếu tố như: mức độ hoạt động, cân nặng lúc sinh, thuận tay, tỉ lệ giới tính ở anh chị em và thứ tự trẻ được sinh ra, biểu hiện hình thể.

Theo các cơ chế tâm lý xã hội: Cơ chế tâm lý xã hội chủ yếu tìm hiểu sự ảnh hưởng của sự quy định giới tính lúc sinh, sự ưa thích một giới tính trước khi sinh từ cha mẹ, mối quan hệ giữa trẻ và đến sự xuất hiện hành vi giới tính chéo (cross-gender) trong những năm đầu đời của trẻ [8].

Sự ưa thích một giới tính trước khi sinh từ cha mẹ: Cha mẹ thường hay có biểu hiện ưa thích một giới tính nào đó trước khi sinh em bé. Theo nghiên cứu trên thế giới, người ta thấy rằng ở

những trẻ nam có rối loạn định dạng giới, cha mẹ ước mơ có con gái thường đi kèm với gia đình có đông con trai, càng những lần mang thai về sau thì các bà mẹ lại càng mong có con gái, tỉ lệ này cao hơn so với các gia đình có cả con trai lẫn con gái (Zucker và cộng sự, 1994).

Củng cố xã hội về hành vi giới tính chéo (Cross-gender behavior): Các bà mẹ của trẻ bị rối loạn định dạng giới thường dễ chấp nhận hay khuyến khích các hành vi nữ tính và ít khuyến khích hành vi nam tính hơn so với những bà mẹ có trẻ trai bình thường. Mong muốn có con gái quá mức mà không được, có thể dẫn đến những dấu hiệu như: cố ý mặc đồ nữ và để tóc dài cho các bé trai, trầm cảm. . .

Mối quan hệ giữa trẻ và cha: Trẻ nam bị rối loạn định dạng giới thường có sự lệ thuộc về tình cảm với mẹ quá mức, vai trò của người cha không hiện diện.

Những biểu hiện tâm bệnh lí chung của người mẹ: Mẹ của những trẻ có rối loạn định dạng giới hay có vấn đề về tâm bệnh lí hơn như: trầm cảm, rối loạn ám ảnh cưỡng chế. . . Tâm bệnh lí làm cho người mẹ không có khả năng thể hiện cảm xúc đối với trẻ, điều này dẫn đến sự lo lắng và mất an toàn ở trẻ và có thể góp phần làm khởi phát rối loạn định dạng giới.

Ngoài ra còn có nhiều yếu tố góp phần vào việc hình thành rối loạn trong định dạng giới tính của trẻ như: những đặc điểm tính cách, khí chất của trẻ, mối quan hệ với mẹ, vị trí của người cha trong hệ thống gia đình.

2.2. Hiểu về vai trò giới và nhận dạng vai trò giới

Trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, vai trò giới được hiểu là một loạt các hành vi của nam giới và nữ giới trong một hệ thống hay một nhóm xã hội nhất định. Giới tính là một yếu tố trong hệ thống giới, được coi là sự sắp xếp mà nhờ đó xã hội chuyển từ bản năng giới tính sinh học thành sản phẩm của hoạt động con người.

Trong xã hội học, người ta sử dụng những khác biệt giới tính để giải thích và hợp pháp hóa sự phân công lao động trong gia đình và xã hội (vai trò giới).

Những thập kỉ cuối của thế kỉ XX, vai trò giới được hiểu là kiểu hành vi, hoạt động mà xã hội mong đợi phụ nữ và nam giới phải thực hiện.

Tóm lại, có thể hiểu vai trò giới là những công việc và hành vi cụ thể mà xã hội trông chờ ở một người phụ nữ hay một người nam giới.

Khi xem xét về vai trò giới người ta xem xét trên ba phương diện: Vai trò giới trong sản xuất, trong việc sinh sản, nuôi dưỡng và vai trò cộng đồng.

Vai trò giới là do những yếu tố xã hội quy định và vai trò này cũng ảnh hưởng sâu sắc ngược trở lại tới các khía cạnh, lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Vì vậy cần nhận thức về vai trò giới một cách đúng đắn sao cho mỗi cá nhân khi xác định cho mình một vai trò mà ở vai trò đó họ được sống một cách thoải mái, được thể hiện hết khả năng, năng lực của mình, cống hiến cho sự phát triển của xã hội, của bản thân và gia đình.

Kiến thức đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành vai trò giới. Trẻ con nhận biết vai trò về giới như thế nào? Học tập chính là phương tiện chủ yếu. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng: cha mẹ (và những người lớn khác) miêu tả và cư xử với bé trai và bé gái hoàn toàn khác nhau. Ít nhất, họ cũng cư xử có phần khác biệt bởi vì chính bản thân họ cũng là những người tiếp nhận vai trò giới và do đó họ nhận thức trẻ con là khác nhau. Về mặt truyền thống, người cha chỉ cho con trai cách xây dựng, sửa chữa đồ vật, trong khi các bà mẹ dạy con gái trông nhà, thổi cơm, khâu vá. Điều này đi suốt thời thơ ấu và niên thiếu của trẻ nhỏ. Theo cách này trẻ con nhận được sự tán

đồng của cha mẹ bằng cách tuân theo những kì vọng về giới và chấp nhận những vai trò theo tập quán và văn hóa – tất cả những điều này tiếp tục củng cố bởi tác nhân xã hội, chẳng hạn như truyền hình. Việc học vai trò về giới thường xuất hiện trong bối cảnh văn hóa, xã hội, các giá trị từ cha mẹ và xã hội được truyền lại cho trẻ nhỏ ở những thế hệ tiếp theo.

Theo lý thuyết “tập quen xã hội” của A. Bandura và W. Mischel trẻ tập quen với vai trò giới tính giống hệt như tập quen với hành vi xã hội khác bằng củng cố và quan sát. Cha mẹ và những người khác định hình vai trò giới thích hợp ở trẻ con và trẻ tập quen những gì mà nền văn hóa đó cho là hành vi thích hợp (đối với nam và nữ) bằng việc quan sát người lớn và những bạn đồng tuổi hành động.

Theo Williams và các cộng sự (1975): ở Mỹ, cha mẹ định hướng giới tính cho con mình phụ thuộc vào giới tính của trẻ (về mặt sinh học), ví dụ: trở thành người đàn ông đích thực phải ý chí, tự tin, cứng rắn, thực tế, bình tĩnh và đáng tin cậy; còn trở thành người phụ nữ thực sự thì phải dịu dàng, phụ thuộc, nhạy cảm, niềm nở và mơ mộng. ...

J. Stockart, M. Jonson (1989) và L. Langlois, A. Downs (1980) đã đưa ra kết luận rằng: cha mẹ không ý thức về việc định hướng hành vi chuẩn cho giới tính của trẻ và thường không thiện cảm với những hành vi không tương xứng với giới tính.

Vai trò về giới chấp nhận từ thời thơ bé thường được mang theo cho đến khi đã lớn. Ở nhà, con người có những giả định nhất định liên quan đến việc đưa ra quyết định, đến trách nhiệm công việc, tài chính và cách nuôi dạy con cái. Ở nơi làm việc, con người có những giả định liên quan đến việc phân công lao động, quyền hạn và cơ cấu tổ chức. Điều này không nhằm để nói rằng vai trò giới là tốt hay xấu. Đơn thuần nó tồn tại và là thực tế trong cuộc sống của hầu hết mọi người. Vấn đề đặt ra là giá trị của nó phụ thuộc vào các cá nhân và các nhóm liên quan. Đối với một số người, những vai trò giới truyền thống mang lại sự an toàn – một lời nhắc nhở bất biến về việc mọi thứ đã, đang và sẽ như thế. Đối với những người khác, nó là nguồn gốc gây ra những hạn chế và thất vọng – một lời nhắc nhở bất biến về việc mọi thứ đã, đang và sẽ không cần như thế.

Ngày nay, nhận dạng về vai trò giới trong cuộc sống của cả hai giới có những thay đổi đáng kể. Vai trò và trách nhiệm của nữ giới và nam giới trong những việc: tham gia công việc gia đình; tham gia công việc sản xuất; tham gia công việc cộng đồng do có sự thay đổi trong nội hàm các nhân tố xã hội chi phối đến sự hình thành nhận dạng vai trò giới của mỗi cá nhân.

Trong một nghiên cứu mà chúng tôi tiến hành điều tra trên 215 học sinh một trường THPT ngoại thành Hà Nội. Kết quả nhận được như sau:

Quan niệm về vai trò của người trụ cột về kinh tế trong gia đình, 73,1% học sinh được điều tra cho rằng đó là vai trò của người đàn ông, chỉ có 26,9% không đồng ý. Chính bởi vậy nên phần lớn các học sinh THPT (khoảng gần 70%) cho rằng việc chăm sóc, nuôi dạy con cái, giải quyết quyết những công việc nhà là trách nhiệm của người phụ nữ và trách nhiệm chính của phụ nữ là lấy chồng và sinh con.

Xung quanh vấn đề phát triển sự nghiệp bản thân, có 95,9% học sinh cho rằng đàn ông phải đặt sự nghiệp lên hàng đầu và 55,9% học sinh cho rằng người phụ nữ phải đặt trách nhiệm chăm sóc gia đình lên trên việc phát triển sự nghiệp bản thân. Có lẽ vì vậy mà ngay trong lĩnh vực nghề được coi là phù hợp hơn với phụ nữ - nghề giáo viên – thì ở các trường THCS 89,8% học sinh cho rằng nam giới luôn giữ vị trí lãnh đạo cao nhất. Do vậy, 35,9% ý kiến đồng ý, ngay từ nhỏ, con trai phải được ưu tiên học hành hơn con gái.

Trong mối quan hệ giữa hai giới, có 55,9% học sinh cho rằng con trai độc lập, con gái phụ

thuộc; 26,7% học sinh đồng ý là con gái yếu đuối và lệ thuộc. Nên những công việc khó khăn, nặng nhọc thường do người đàn ông đảm nhiệm (86,9%).

Việc thể hiện bản thân, đặc biệt là thể hiện tình cảm, 66,9% học sinh cho rằng con trai không bao giờ được thể hiện sự nữ tính trong bất kì trường hợp nào; luôn luôn mạnh mẽ và không bao giờ được khóc (64,1%); 64,9% học sinh cho rằng con trai ngỗ ngược và hiếu chiến còn con gái cần thận và chu đáo.

Cũng giống như quan niệm truyền thống, con trai có thể lực tốt nên 67,8% học sinh THPT đồng ý rằng con trai thường làm những công việc về kỹ thuật, đòi hỏi sức mạnh thể lực và trí tuệ còn phụ nữ thường đảm nhiệm những công việc nhẹ nhàng; và trong việc chọn nghề 64,9% học sinh đồng ý rằng ở các trường trung cấp dạy nghề về kỹ thuật tỉ lệ học sinh nam cao hơn học sinh nữ. Với những nghề mang dáng dấp công việc của một người mẹ (cô giáo mầm non) thì 100% học sinh cho rằng phù hợp với nữ giới.

Tuy nhiên, trong nhận dạng vai trò giới của các bạn học sinh cũng đã có những thay đổi đáng kể so với quan niệm truyền thống:

Trách nhiệm kiếm tiền nuôi gia đình là của nam giới nhưng nữ giới cũng đã nỗ lực cố gắng để không phụ thuộc vào nam giới về kinh tế, 46,1% học sinh không đồng ý rằng phụ nữ kiếm được ít tiền hơn đàn ông; 44,1% ý kiến đồng ý người phụ nữ có quyền đặt việc phát triển sự nghiệp bản thân lên trên việc chăm sóc gia đình. Khi phụ nữ có thể kiếm tiền không kém đàn ông và xác định cho mình những vị trí nhất định trong sự nghiệp thì con gái không yếu đuối và lệ thuộc vào con trai, đó là ý kiến của 73,3% học sinh. Chiếm tỉ lệ 64,1% học sinh THPT nhận thức rằng cơ hội được học tập, được phát triển bản thân của cả hai giới là như nhau, không ưu tiên, thiên vị cơ hội này theo giới của cá nhân.

2.3. Hiểu về định hướng tình dục

Một phần trong phát triển hành vi giới của cá nhân liên quan đến định hướng tình dục của bản thân – tức là thích bạn tình của mình là người cùng hay khác giới. Định hướng tình dục tồn tại từ xa xưa và không phải nền văn hóa nào cũng phân loại định hướng tình dục như hiện nay. Nền văn hóa Tây Âu chia các cá nhân thành ba loại: dị tính luyến ái, đồng tính luyến ái và lưỡng tính luyến ái. Phần lớn thanh niên thể hiện dị tính luyến ái mà không cần phải tìm hiểu nhiều về bản thân. Những thanh niên bị cuốn hút bởi người cùng giới phải trải qua một quá trình chấp nhận xu hướng đồng tính luyến ái của bản thân một cách gian khổ, vì xã hội có thể có thái độ phản đối đối với định hướng tình dục này. Để nhận dạng định hướng tình dục của bản thân là đồng tính luyến ái phải có thời gian và trải qua nhiều giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất bắt đầu ngay từ cuối tuổi thiếu niên, đầu tuổi thanh niên. Những thanh thiếu niên đồng tính luyến ái đã nhận thấy sự khác thường của mình. Họ cũng hẹn hò với bạn khác giới ở độ tuổi 14 – 19, những họ có những tình cảm nước đôi đôi đối với bản thân. Họ cảm thấy khó gọi tên những tình cảm của mình đối với người cùng giới. Phản ứng của một số người là sợ hãi, xấu hổ và thậm chí phủ nhận những tình cảm này. Trong giai đoạn thứ 2, những thanh niên này đã bắt đầu có thể gọi tên những tình cảm đối với người cùng giới là bị lôi cuốn, yêu hoặc ham muốn tình dục. Giai đoạn ba là giai đoạn cá nhân nhận dạng mình là đồng tính luyến ái. Có thể do xã hội khó chấp nhận đồng tính luyến ái nên những thanh niên này phần nhiều không muốn công khai định hướng tình dục của mình [1].

3. Kết luận

Xuất phát từ thực trạng trào lưu xã hội về nhu cầu được bình đẳng, tôn trọng của người đồng tính, song tính; từ những kiến nghị của một số cơ quan, tổ chức Nhà nước với Quốc hội về điều chỉnh luật cho người đồng tính (như: luật kết hôn, phẫu thuật chuyển giới); từ những thái độ, cách nhìn nhận khác biệt giữa các nền văn hóa v.v. Nên việc nghiên cứu quy mô, nhìn nhận khoa học về phát triển giới nói chung và thực trạng hành vi giới trong xã hội hiện nay là bức thiết.

Như vậy, ý nghĩa của nghiên cứu rất rõ nét không chỉ ở phương diện khoa học mà còn ở phương diện xã hội, nhân văn, không chỉ có ý nghĩa với các nhà nghiên cứu (tâm lý học, xã hội học, đạo đức học v.v.) mà còn có ý nghĩa to lớn với các nhà giáo dục, các bậc phụ huynh, các nhà quản lý xã hội.

(*) Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số VI.1-2013.28.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Văn Đồng, 2012. *Tâm lý học phát triển*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [2] T.V. Bendac, 2005. *Tâm lý học về giới*. Nxb Picher, Sanh-Peterburg.
- [3] Robert V. Kail, John C. Cavanaugh, 2006. *Nghiên cứu về sự phát triển con người* (bản dịch). Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
- [4] E.P. Ilin, 2003. *Tâm sinh lý học đàn ông và phụ nữ*. Nxb Picher, Sanh-Peterburg.
- [5] *Abnormal psychology*, 2003. Michael L. Raulin.
- [6] *Child and adolescent psychiatry*, 2002. Melvin Lewis.
- [7] *Developmental psychopathology from infancy through adolescent*, 2003. Charles Wenar, Patricia Kerig.
- [8] www.sites.google.com/site/tamlyhocthankinh/tam-benh-ly/cac-roi-loan.

ABSTRACT

Psychological basis of gender development

The gender development is a complex question, sensitive, and there are not many studies in Vietnam. However, its impact on the lives of individuals extremely large. Starting from the reality of social movements demand equality, respect for gay, bisexual; the recommendations of government agencies, social organizations with Congress on legislation adjusted for homosexual person (such as the law of marriage, gender reassignment surgery, etc.). It was pointed out that the study and evaluation of the development of science in society today is urgent, including psychological basis that content articles mentioned.

Keyword: Gender development, gender identity, gender role, sexual orientation.